

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **13/2022/HS-ST**

Ngày 18-01-2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều My.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Mầm;

Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 362/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 372/2021/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/HSST-QĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phạm Hữu M**; tên gọi khác: Không; Sinh ngày 29 tháng 3 năm 1995 tại tỉnh: Thanh Hóa;

Nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Hữu T (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; bị cáo có vợ là Bùi Thị T1 và có 01 con, sinh năm 2019.

Tiền án: không; tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/10/2021 cho đến nay.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Hữu Đ**; tên gọi khác: Lộc; Sinh ngày 21 tháng 11 năm 1998 tại tỉnh: Thanh Hóa;

Nơi cư trú: Khu phố N, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu H (đã chết) và bà Đoàn Thị M (đã chết); bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án: không; tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/4/2021 đến ngày 26/4/2021 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo Phạm Hữu M:** Ông Nguyễn Văn K – Luật sư thuộc Công ty luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T – Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

Địa chỉ: Số X, đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1956 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Đường A, xã C, thành phố B, Đắk Lắk.

2. Ông Đặng Phước B, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Bà Bùi Thị Bích H, sinh năm 1962 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số X, đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

4. Bà Vũ Thị Thúy U, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Đường B, thôn 1, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

5. Bà Lê Thị S, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn K 1, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

6. Bà Lê Thị H, sinh năm 1962 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

7. Bà Lương Thị T, sinh năm 1972 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn X, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

8. Bà Nguyễn Võ Thị Mỹ T, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số X, đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

9. Bà Phan Thị L, sinh năm 1954 (Có mặt).

Địa chỉ: Số nhà X, đường A, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

10. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1966 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường A, thị xã B, Đắk Lắk.
11. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Liên gia X, tổ dân phố Y, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
12. Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1963 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Số X, đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
13. Bà Lê Thị Ánh H, sinh năm 1959 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Số nhà X, đường Q, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
14. Bà Trịnh Ngọc B, sinh năm 1979 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
15. Bà Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm 1978 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Số X, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
16. Bà Trương Thị Đan T, sinh năm 1979 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Số X, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
17. Bà Lê Thị X, sinh năm 1984 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
18. Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1988 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Số 37 đường Đ, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.
19. Anh Lê Văn T, sinh năm 2001 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn U, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.
20. Chị Tiêu Thị H, sinh năm 1996 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk
21. Chị Lê Thị Quỳnh M, sinh năm 1996 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Số x, đường V, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
22. Bà Đào Thiên H, sinh năm 1983 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Số X đường X, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
23. Ông Lê Duy T (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
24. Bà Bùi Thị Khánh T (Vắng mặt).
Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.
25. Bà Bùi Thị T (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

26. Ông Hoàng Lê H (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà X, đường Q, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

27. Ông Trần Văn T (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ X, khu vực Y, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu tháng 02/2021, Phạm Hữu M với ý định thực hiện hành vi cho người khác vay tiền với lãi suất cao để thu lợi bất chính nên đã rủ Nguyễn Hữu Đ vào tỉnh Đắk Lắk để hoạt động cho vay với lãi suất cao và thỏa thuận trả cho Đ số tiền 5.000.000 đồng/tháng. Ban đầu M và Đ thuê phòng trọ tại hẻm số X, đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, được vài ngày thì trả phòng, đến thuê phòng trọ số C4 tại địa chỉ: Số X, đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để ở và làm địa điểm hoạt động cho vay với lãi suất cao. M và Đ in tờ rơi với nội dung “Cho vay tiền trả góp không thế chấp” và số sim 0916.605.XXX để người vay liên hệ vay tiền. Đ và M sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Blade, màu đỏ, biển số 47F1 – 266.XX, số khung: RLHJA 3612EY019XXX, số máy: JA36E – 00627XX để làm phương tiện đi phát, rải tờ rơi ở những nơi đông người qua lại trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Khi những người có nhu cầu vay tiền sẽ liên lạc qua số điện thoại trên tờ rơi thì Đ đi đến gặp trực tiếp, tìm hiểu hoàn cảnh gia đình, công việc, thu nhập của người cần vay tiền. Nhận thấy người vay có điều kiện trả nợ thì Nguyễn Hữu Đ thỏa thuận việc cho vay tiền, số tiền phí vay phải nộp, số tiền góp hàng ngày phải trả và số ngày trả góp. Nếu người vay tiền đồng ý thì phải để lại một trong các giấy tờ như Giấy phép lái xe, Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, Sổ Hộ khẩu, Giấy chứng minh nhân dân, Căn cước công dân..., một số trường hợp vay số tiền ít thì không cần để lại giấy tờ gì. Để tránh việc bị Cơ quan Công an phát hiện về hành vi cho vay với lãi suất cao Nguyễn Hữu Đ và Phạm Hữu M không thể hiện bất cứ giấy tờ nào về việc cho vay tiền. Tùy theo từng gói vay, thời gian cho vay trong vòng 21 ngày, 25 ngày hoặc 30 ngày và áp dụng cách tính tiền gốc và lãi suất như sau: Vay số tiền 1.000.000 đồng trong thời gian 21 ngày thì 01 ngày phải trả tiền gốc là 47.619 đồng, tiền lãi là 11.905 đồng tương ứng lãi suất là 451,9%/năm; vay 25 ngày thì 01 ngày phải trả tiền gốc là 40.000 đồng và tiền lãi 10.000 đồng tương ứng với mức lãi suất 365%/năm; hoặc vay 30 ngày thì 01 ngày phải trả tiền gốc là 33.333 đồng và tiền lãi 8.333 đồng tương ứng với mức

lãi suất 304,2%/năm. Ngoài ra, Nguyễn Hữu Đ còn thu của người vay số tiền phí vay từ 05% đến 10% trên tổng số tiền vay, số tiền này M và Đ thỏa thuận Đ là người được hưởng. Đến đầu tháng 4/2021, Phạm Hữu M và Nguyễn Hữu Đ thỏa thuận chia đôi số tiền phí thu này. Sau khi M hướng dẫn Đ cách thức hoạt động cho vay, sắp xếp công việc cho vay tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk ổn định thì M đã đưa tiền mặt cho Đ và giao toàn bộ việc cho vay để Đ thực hiện. Hằng ngày, thông qua ứng dụng Facebook của M có tên tài khoản “M C”, Đ báo toàn bộ thông tin về số lượng người vay, số tiền vay, tiến độ thu tiền góp hằng ngày để M biết. Từ tháng 02/2021 đến ngày 16/4/2021, M và Đ đã cho 18 cá nhân trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk vay với 35 lượt vay, với mức lãi suất từ 365%/năm đến 451,9%/năm (tức gấp 18,25 lần đến 22,595 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự mà Nhà nước quy định). Có người vay nhiều gói vay khác nhau, nếu ai không có tiền trả nợ đúng thời hạn đã thỏa thuận muốn đáo hạn vay gói mới thì Đ sẽ lấy số tiền gốc của khoản vay sau trừ tiền gốc và lãi của gói vay trước.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự: *“Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay.....Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.”*

$$\text{Lãi suất năm} = \frac{(\text{số tiền lãi} : \text{số tiền gốc}) \times 100\% \times 365}{\text{Số ngày vay}}$$

$$\text{Lãi suất vượt quá} = \frac{\text{Lãi suất năm}}{20\%}$$

Ví dụ như: Bà Bùi Thị Bích H vay gói 5.000.000 đồng, thời gian vay là 21 ngày, số tiền phí là 500.000 đồng, mỗi ngày trả 300.000 đồng (trong đó tiền gốc là 238.096 đồng và tiền lãi là 61.904 đồng), bà H đã trả được 10 ngày với số tiền 3.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 2.380.960 đồng và tiền lãi là 619.040 đồng). Như vậy số tiền Đ đã hưởng lợi là 1.119.040 đồng.

Số tiền lãi: 21 ngày x 300.000 đồng – 5.000.000 đồng = 1.300.000 đồng. Trong đó lãi suất theo quy định (không vượt quá 20%/năm/khoản tiền vay) là 27.397 đồng. Như vậy, Đ đã thu lợi bất chính là (619.040 đồng tiền lãi thực thu + 500.000 đồng tiền phí) – 27.397 đồng tiền lãi theo quy định = 1.091.643 đồng.

$$\text{Lãi suất năm} (1.300.000đ : 5.000.000đ) \times 100\% \times 365 \text{ ngày} = 451,9\%.$$

Lãi suất vượt quá là $451,9\% : 20\% = 22,6$ lần theo quy định.

Trong khoảng thời gian từ tháng 2/2021 đến tháng 4/2021 Phạm Hữu M và Nguyễn Hữu Đ đã cho 18 người vay, với 35 lượt vay, tổng số tiền gốc cho vay là 198.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã thu lợi là 30.719.321 đồng, tiền phí vay đã thu là 12.250.000 đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 1.527.117 đồng. Như vậy, Phạm Hữu M và Nguyễn Hữu Đ đã thu lợi bất chính từ việc cho vay với lãi suất cao số tiền: $(30.719.321 \text{ đồng} + 12.250.000 \text{ đồng}) - 1.527.117 \text{ đồng} = 41.442.204 \text{ đồng}$. Số tiền gốc Nguyễn Hữu Đ đã thu được từ người vay là 116.130.679 đồng. Số tiền gốc những người vay còn nợ là 81.869.321 đồng. Cụ thể:

Người vay thứ 1: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm: 1956, trú tại: Đường A, thôn X, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vay 02 lần, cụ thể:

- Lần thứ 1: Khoảng đầu tháng 03/2021, vay số tiền 10.000.000 đồng trong thời gian 21 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 476.191 đồng, tiền lãi là 123.809 đồng (lãi suất tương ứng là 451,9 %/năm), nộp phí vay 600.000 đồng. Bà G đã đóng đủ 21 ngày với tổng số tiền là 12.600.000 đồng, trong đó tiền gốc 10.000.000 đồng, lãi 2.600.000 đồng, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 115.068 đồng. Nguyễn Hữu Đ thu lợi bất chính số tiền là $(2.600.000 \text{ đồng} + 600.000 \text{ đồng}) - 115.068 \text{ đồng} = \mathbf{3.084.932}$ đồng.

- Lần thứ 2: Ngày 25/03/2021, vay số tiền 10.000.000 đồng trong thời gian 21 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 476.191 đồng, tiền lãi là 123.809 đồng (lãi suất tương ứng là 451,9%/năm), nộp phí vay 600.000 đồng. Bà Giang đã đóng được 09 ngày với tổng số tiền là 5.400.000 đồng, trong đó tiền gốc 4.285.719 đồng, lãi 1.114.281 đồng, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 49.315 đồng. Nguyễn Hữu Đ thu lợi bất chính số tiền là $(1.114.281 \text{ đồng} + 600.000 \text{ đồng}) - 49.315 \text{ đồng} = \mathbf{1.664.966}$ đồng. Như vậy, bà G còn nợ số tiền gốc là 5.714.281 đồng.

Người vay thứ 2: Ông Đặng Phước B, sinh năm: 1978, trú tại: Tổ dân phố X, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, vay tiền 01 lần, cụ thể:

Khoảng đầu tháng 03/2021, vay số tiền 30.000.000 đồng trong thời gian 25 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 1.200.000 đồng, tiền lãi là 300.000 đồng (lãi suất tương ứng là 365%/năm). Khi cho vay tiền, Đ giữ của ông B: 01 (Một) sổ hộ khẩu số 1601755650 mang tên chủ hộ Bùi Thị T, phường A, thị xã B, tỉnh

Đắk Lắk (bản gốc). Ông B đã đóng được 05 ngày với tổng số tiền là 7.500.000 đồng, trong đó tiền gốc 6.000.000 đồng, tiền lãi 1.500.000 đồng, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 82.191 đồng. Nguyễn Hữu Đ thu lợi bất chính số tiền là 1.500.000 đồng - 82.191 đồng = **1.417.809** đồng. Như vậy, ông B còn nợ số tiền gốc là 24.000.000 đồng.

Người vay thứ 3: Bà Bùi Thị Bích H, sinh năm 1962, trú tại: Số X đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vay tiền 01 lần, cụ thể: Vào ngày 21/03/2021, vay số tiền 5.000.000 đồng trong thời gian 21 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 238.096 đồng, tiền lãi là 61.904 đồng (lãi suất tương ứng là 451,9%/năm), nộp phí vay là 500.000 đồng. Bà H đã đóng được 10 ngày với tổng số tiền là 3.000.000 đồng, trong đó tiền gốc 2.380.960 đồng, tiền lãi 619.040 đồng, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 27.397 đồng. Nguyễn Hữu Đ thu lợi bất chính số tiền là (619.040 đồng + 500.000 đồng) - 27.397 đồng = **1.091.643** đồng. Như vậy, bà H còn nợ số tiền gốc còn lại là 2.619.040 đồng.

Người vay thứ 4: Bà Vũ Thị Thúy U, sinh năm: 1979, trú tại: Đường B, thôn X, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vay 02 lần, cụ thể:

- Lần thứ 1: Khoảng tháng 03/2021, vay số tiền 3.000.000 đồng trong thời gian 25 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 120.000 đồng, tiền lãi là 30.000 đồng (lãi suất tương ứng là 365%/năm), nộp phí vay 150.000 đồng. Bà U đã đóng đủ 25 ngày với tổng số tiền là 3.750.000 đồng, trong đó tiền gốc 3.000.000 đồng, lãi 750.000 đồng, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 41.096 đồng. Nguyễn Hữu Đ thu lợi bất chính số tiền là (750.000 đồng + 150.000 đồng) - 41.096 đồng = **858.904** đồng.

- Lần thứ 2: Tháng 04/2021, vay số tiền 3.000.000 đồng trong thời gian 25 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 120.000 đồng, tiền lãi là 30.000 đồng (lãi suất tương ứng là 365%/năm), nộp phí vay 150.000 đồng. Bà U đã đóng được 03 ngày với tổng số tiền là 450.000 đồng, trong đó tiền gốc 360.000 đồng, lãi 90.000 đồng, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 4.931 đồng. Nguyễn Hữu Đ thu lợi bất chính số tiền là (90.000 đồng + 150.000 đồng) - 4.931 đồng = 235.069 đồng. Như vậy, bà U còn nợ số tiền gốc là 2.640.000 đồng.

Người vay thứ 5: Bà Lê Thị S, sinh năm: 1980, trú tại: Thôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vay 02 lần, cụ thể:

- Lần thứ 1: Ngày 24/03/2021, vay số tiền 5.000.000 đồng trong thời gian 30 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 166.667 đồng, tiền lãi là 33.333 đồng (lãi suất

tương ứng là 243,3%/năm), nộp phí vay 250.000 đồng. Khi cho vay tiền, Đ giữ của bà S: 01 (*Một*) sổ hộ khẩu số 160585123 mang tên chủ hộ Lê Thị S, địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (bản gốc). Bà S đã đóng đủ 30 ngày với tổng số tiền là 6.000.000 đồng, trong đó tiền gốc 5.000.000 đồng, lãi 1.000.000 đồng, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 82.191 đồng. Nguyễn Hữu Đ thu lợi bất chính số tiền là $(1.000.000 \text{ đồng} + 250.000 \text{ đồng}) - 82.191 \text{ đồng} = \mathbf{1.167.799 \text{ đồng}}$.

- Lần thứ 2: Ngày 26/3/2021, vay số tiền 5.000.000 đồng trong thời gian 30 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 166.667 đồng, tiền lãi là 33.333 đồng (lãi suất tương ứng là 243,3%/năm), nộp phí vay 250.000 đồng. Bà S đã đóng được 15 ngày với tổng số tiền là 3.000.000 đồng, trong đó tiền gốc 2.500.000 đồng, lãi 500.000 đồng, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 41.096 đồng. Nguyễn Hữu Đ thu lợi bất chính số tiền là $(500.000 \text{ đồng} + 250.000 \text{ đồng}) - 41.096 \text{ đồng} = \mathbf{708.904 \text{ đồng}}$. Như vậy, bà S còn nợ số tiền gốc là 2.500.000 đồng.

Người vay thứ 6: Bà Lê Thị H, sinh năm: 1962, trú tại: Thôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vay 02 lần, cụ thể:

- Lần thứ 1: Khoảng đầu tháng 03/2021, vay số tiền 5.000.000 đồng trong thời gian 25 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 200.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng (lãi suất tương ứng là 365%/năm), nộp phí vay 250.000 đồng. Bà H đã đóng đủ 25 ngày với tổng số tiền là 6.250.000 đồng, trong đó tiền gốc 5.000.000 đồng, lãi 1.250.000 đồng, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 68.493 đồng. Nguyễn Hữu Đ thu lợi bất chính số tiền là $(1.250.000 \text{ đồng} + 250.000 \text{ đồng}) - 68.493 \text{ đồng} = \mathbf{1.431.507 \text{ đồng}}$.

- Lần thứ 2: Khoảng giữa tháng 03/2021, vay số tiền 5.000.000 đồng trong thời gian 25 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 200.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng (lãi suất tương ứng là 365%/năm), nộp phí vay 250.000 đồng. Bà H đã đóng được 06 ngày với tổng số tiền là 1.500.000 đồng, trong đó tiền gốc 1.200.000 đồng, lãi 300.000 đồng, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 16.438 đồng. Nguyễn Hữu Đ thu lợi bất chính số tiền là $(300.000 \text{ đồng} + 250.000 \text{ đồng}) - 16.438 \text{ đồng} = \mathbf{533.562 \text{ đồng}}$. Như vậy, bà H còn nợ số tiền gốc là 3.800.000 đồng.

Người vay thứ 7: Bà Lương Thị T, sinh năm: 1972, trú tại: Thôn X, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vay 02 dây với 04 lần vay, cụ thể:

*** Dây thứ 1 :**

- Lần thứ 1: Khoảng đầu tháng 03/2021, vay số tiền 5.000.000 đồng trong thời gian 25 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 200.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng (lãi suất tương ứng là 365%/năm), nộp phí vay 250.000 đồng. Khi cho vay tiền, Đ giữ của bà T: 01 (một) giấy phép lái xe số 661055001XXX mang tên Lương Thị T, trú tại xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (bản gốc). Bà T đã đóng đủ 25 ngày với tổng số tiền là 6.250.000 đồng, trong đó tiền gốc 5.000.000 đồng, lãi 1.250.000 đồng, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 68.493 đồng. Nguyễn Hữu Đ thu lợi bất chính số tiền là (1250.000 đồng + 250.000 đồng) – 68.493 đồng = **1.431.507** đồng.

- Lần thứ 2: Khoảng giữa tháng 03/2021, vay số tiền 5.000.000 đồng trong thời gian 25 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 200.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng (lãi suất tương ứng là 365%/năm), nộp phí vay 250.000 đồng. Bà T đã đóng được 03 ngày với tổng số tiền là 750.000 đồng, trong đó tiền gốc 600.000 đồng, lãi 150.000 đồng, lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 8.219 đồng. Nguyễn Hữu Đ thu lợi bất chính số tiền là (150.000 đồng + 250.000 đồng) - 8.219 đồng = **391.781** đồng. Như vậy, bà T còn nợ số tiền gốc là 4.400.000 đồng.

*** Dây thứ 2:**

- Lần thứ 1: Khoảng đầu tháng 03/2021, vay số tiền 5.000.000 đồng trong thời gian 25 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 200.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng (lãi suất tương ứng là 365%/năm), nộp phí vay 250.000 đồng. Bà T đã đóng đủ 25 ngày với tổng số tiền là 6.250.000 đồng, trong đó tiền gốc 5.000.000 đồng, lãi 1.250.000 đồng, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 68.493 đồng. Nguyễn Hữu Đ thu lợi bất chính số tiền là (1.250.000 đồng + 250.000 đồng) – 68.493 đồng = **1.431.507** đồng.

- Lần thứ 2: Vào khoảng giữa tháng 03/2021, vay số tiền 5.000.000 đồng trong thời gian 25 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 200.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng (lãi suất tương ứng là 365%/năm), nộp phí vay 250.000 đồng. Bà T đã đóng được 04 ngày với tổng số tiền là 1.000.000 đồng, trong đó tiền gốc 800.000 đồng, tiền lãi 200.000 đồng, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 10.959 đồng. Nguyễn Hữu Đ thu lợi bất chính số tiền là (200.000 đồng + 250.000 đồng) - 10.959 đồng = **439.041** đồng. Như vậy, bà T còn nợ số tiền gốc là 4.200.000 đồng.

Người vay thứ 8: Bà Nguyễn Võ Thị Mỹ T, sinh năm: 1982, trú tại: Số X, đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vay 03 lần, cụ thể:

- Lần thứ 1: Vào khoảng tháng 02/2021, vay số tiền 6.000.000 đồng trong thời gian 21 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 285.715 đồng, tiền lãi là 114.285 đồng (lãi suất tương ứng là 451,9%/năm), nộp phí vay là 400.000 đồng. Khi cho vay tiền, Đ giữ của bà T: 01 (Một) giấy chứng minh nhân dân số 231368802 mang tên Nguyễn Võ Thị Mỹ T (bản photo). Bà T đã đóng đủ 21 ngày với tổng số tiền là 8.400.000 đồng, trong đó tiền gốc 6.000.000 đồng, tiền lãi 2.400.000 đồng, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 69.041 đồng. Nguyễn Hữu Đ thu lợi bất chính số tiền là $(2.400.000 \text{ đồng} + 400.000 \text{ đồng}) - 69.041 \text{ đồng} = \mathbf{2.730.959 \text{ đồng}}$.

- Lần thứ 2: Vào khoảng đầu tháng 03/2021, vay số tiền 6.000.000 đồng trong thời gian 21 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 285.715 đồng, tiền lãi là 114.285 đồng (lãi suất tương ứng là 451,9%/năm), nộp phí vay là 400.000 đồng. Bà Thành đã đóng đủ 21 ngày với tổng số tiền là 8.400.000 đồng, trong đó tiền gốc 6.000.000 đồng, tiền lãi 2.400.000 đồng, lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 69.041 đồng. Nguyễn Hữu Đ thu lợi bất chính số tiền là $(2.400.000 \text{ đồng} + 400.000 \text{ đồng}) - 69.041 \text{ đồng} = \mathbf{2.730.959 \text{ đồng}}$.

- Lần thứ 3: Vào khoảng tháng 4/2021, vay số tiền 6.000.000 đồng trong thời gian 21 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 285.715 đồng, tiền lãi là 114.285 đồng (lãi suất tương ứng là 451,9%/năm), nộp phí vay là 400.000 đồng. Bà T đã đóng được 05 ngày với tổng số tiền là 2.000.000 đồng, trong đó tiền gốc 1.429.000 đồng, tiền lãi 571.000 đồng, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 16.438 đồng. Nguyễn Hữu Đ thu lợi bất chính số tiền là $(571.000 \text{ đồng} + 400.000 \text{ đồng}) - 16.438 \text{ đồng} = \mathbf{954.562 \text{ đồng}}$. Như vậy, bà T còn nợ lại số tiền gốc là 4.571.000 đồng.

Người vay thứ 9: Bà Phan Thị L, sinh năm: 1954, trú tại: Số X, đường A, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vay 02 lần, cụ thể:

- Lần thứ 1: Khoảng tháng 03/2021, bà L vay số tiền 4.000.000 đồng trong thời gian 25 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 160.000 đồng, tiền lãi là 40.000 đồng (lãi suất tương ứng là 365%/năm), nộp phí vay 200.000 đồng. Bà L đã đóng đủ 25 ngày với tổng số tiền là 5.000.000 đồng, trong đó tiền gốc 4.000.000 đồng, tiền lãi 1.000.000 đồng, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 54.794 đồng. Nguyễn Hữu Đ thu lợi bất chính số tiền là $(1.000.000 \text{ đồng} + 200.000 \text{ đồng}) - 54.794 \text{ đồng} = \mathbf{1.145.206 \text{ đồng}}$.

- Lần thứ 2: Khoảng tháng 03/2021, vay số tiền 4.000.000 đồng trong thời gian 25 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 160.000 đồng, tiền lãi là 40.000 đồng (lãi

suất tương ứng là 365%/năm), nộp phí vay 200.000 đồng. Bà L đã đóng được 13 ngày với tổng số tiền là 2.600.000 đồng, trong đó tiền gốc 2.080.000 đồng, tiền lãi 520.000 đồng, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 28.493 đồng. Nguyễn Hữu Đ thu lợi bất chính số tiền là (520.000 đồng + 200.000 đồng) – 28.493 đồng = **691.507** đồng. Như vậy, bà L còn nợ lại số tiền gốc là 1.920.000 đồng.

Người vay thứ 10: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1966, trú tại: Tổ dân phố A, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, vay 02 lần, cụ thể:

- Lần thứ 1: Ngày 08/03/2021, vay số tiền 2.000.000 đồng trong thời gian 25 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 80.000 đồng, tiền lãi là 20.000 đồng (lãi suất tương ứng là 365%/năm), nộp phí vay 100.000 đồng. Bà L đã đóng được 12 ngày với tổng số tiền là 1.200.000 đồng, trong đó tiền gốc 960.000 đồng, tiền lãi 240.000 đồng, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 13.151 đồng. Nguyễn Hữu Đ thu lợi bất chính số tiền là (240.000 đồng + 100.000 đồng) – 13.151 đồng = **326.849** đồng. Như vậy, bà L còn nợ lại số tiền gốc là 1.040.000 đồng.

- Lần thứ 2: Ngày 13/03/2021, vay số tiền 3.000.000 đồng trong thời gian 25 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 120.000 đồng, tiền lãi là 30.000 đồng (lãi suất tương ứng là 365%/năm), nộp phí vay 150.000 đồng. Bà L đã đóng được 07 ngày với tổng số tiền là 1.050.000 đồng, trong đó tiền gốc 840.000 đồng, tiền lãi 210.000 đồng, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 11.507 đồng. Nguyễn Hữu Đ thu lợi bất chính số tiền là (210.000 đồng + 150.000 đồng) – 11.507 đồng = **348.493** đồng. Như vậy, bà L còn nợ lại số tiền gốc là 2.160.000 đồng.

Người vay thứ 11: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1960, trú tại: Tổ dân phố X, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vay 02 lần, cụ thể:

- Lần thứ 1: Ngày 28/03/2021, bà H vay số tiền 4.000.000 đồng trong thời gian 25 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 160.000 đồng, tiền lãi là 40.000 đồng (lãi suất tương ứng là 365%/năm), nộp phí vay 300.000 đồng. Bà H đã đóng đủ 25 ngày với tổng số tiền là 5.000.000 đồng, trong đó tiền gốc 4.000.000 đồng, tiền lãi 1.000.000 đồng, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 54.794 đồng. Nguyễn Hữu Đ thu lợi bất chính số tiền là (1.000.000 đồng + 300.000 đồng) - 54.794 đồng = **1.245.206** đồng.

- Lần thứ 2: Ngày 14/4/2021, vay số tiền 4.000.000 đồng trong thời gian 25 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 160.000 đồng, tiền lãi là 40.000 đồng (lãi suất

tương ứng là 365%/năm), nộp phí vay 300.000 đồng. Bà H đã đóng được 03 ngày với tổng số tiền là 600.000 đồng, trong đó tiền gốc 480.000 đồng, tiền lãi 120.000 đồng, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 6.575 đồng. Nguyễn Hữu Đ thu lợi bất chính số tiền là (120.000 đồng + 300.000 đồng) – 6.575 đồng = **413.425** đồng. Như vậy, bà H còn nợ lại số tiền gốc là 3.520.000 đồng.

Người vay thứ 12: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1963, trú tại: Số X, đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vay 02 lần, cụ thể:

- Lần thứ 1: Ngày 27/3/2021, vay số tiền 5.000.000 đồng trong thời gian 21 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 238.096 đồng, tiền lãi là 61.904 đồng (lãi suất tương ứng là 451,9%/năm), nộp phí vay là 300.000 đồng. Bà T đã đóng đủ 21 ngày với tổng số tiền là 6.300.000 đồng, trong đó tiền gốc 5.000.000 đồng, tiền lãi 1.300.000 đồng, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 57.534 đồng. Nguyễn Hữu Đ thu lợi bất chính số tiền là (1.300.000 đồng + 300.000 đồng) - 57.534 đồng = **1.542.466** đồng.

- Lần thứ 2: Ngày 11/4/2021, vay số tiền 5.000.000 đồng trong thời gian 21 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 238.096 đồng, tiền lãi là 61.904 đồng (lãi suất tương ứng là 451,9%/năm), nộp phí vay là 300.000 đồng. Bà T đã đóng được 04 ngày với tổng số tiền là 1.200.000 đồng, trong đó tiền gốc 952.000 đồng, tiền lãi 248.000 đồng, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 10.959 đồng. Nguyễn Hữu Đ thu lợi bất chính số tiền là (248.000 đồng + 300.000 đồng) - 10.959 đồng = **537.041** đồng. Như vậy, bà T còn nợ lại số tiền gốc là 4.048.000 đồng.

Người vay thứ 13: Bà Lê Thị Ánh H, sinh năm: 1959, trú tại: Số X, đường Q, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vay 01 lần, cụ thể:

Khoảng đầu tháng 04/2021, vay số tiền 15.000.000 đồng trong thời gian 25 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 600.000 đồng, tiền lãi là 150.000 đồng (lãi suất tương ứng là 365%/năm), nộp phí vay 1.500.000 đồng. Khi cho vay tiền, Đ giữ của Bà H: 01 (Một) sổ hộ khẩu số T-13XX, mang tên chủ hộ Lê Thị Ánh H (bản gốc); 01 (Một) giấy vay tiền của Lê Thị Ánh H và 01 (Một) giấy chứng minh nhân dân số 240768XXX mang tên Hoàng Lê H. Bà H đã đóng được 15 ngày với tổng số tiền là 11.250.000 đồng, trong đó tiền gốc 9.000.000 đồng, tiền lãi 2.250.000 đồng, tiền lãi cao nhất theo quy định của Nhà nước là 123.287 đồng. Nguyễn Hữu Đ thu lợi bất chính số tiền là (2.250.000 đồng + 1.500.000

đồng) – 123.287 đồng = **3.626.713** đồng. Như vậy, bà H còn nợ lại số tiền gốc là 6.000.000 đồng.

Người vay thứ 14: Bà Trịnh Ngọc B, sinh năm: 1979, trú tại: Tổ dân phố X, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vay 02 dây với 03 lần vay, cụ thể:

*** Dây 1:**

- Lần thứ 1: Khoảng đầu tháng 03/2021, vay số tiền 4.000.000 đồng trong thời gian 25 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 160.000 đồng, tiền lãi là 40.000 đồng (lãi suất tương ứng là 365%/năm), nộp phí vay 400.000 đồng. Khi cho vay tiền, Đ giữ của bà B: 01 (*Một*) sổ hộ khẩu số 090036XXX mang tên chủ hộ Trần Văn T (là chồng của bà B), địa chỉ: Tổ X, khu vực Y, phường Đ, thành phố N, tỉnh B (bản gốc). Bà B đã đóng đủ 25 ngày với tổng số tiền là 5.000.000 đồng, trong đó tiền gốc 4.000.000 đồng, tiền lãi 1.000.000 đồng, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 54.794 đồng. Nguyễn Hữu Đ thu lợi bất chính số tiền là (1.000.000 đồng + 400.000 đồng) - 54.794 đồng = **1.345.206** đồng.

- Lần thứ 2: Vào khoảng giữa tháng 03/2021, vay số tiền 4.000.000 đồng trong thời gian 25 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 160.000 đồng, tiền lãi là 40.000 đồng (lãi suất tương ứng là 365%/năm), nộp phí vay 400.000 đồng. Bà B đã đóng được 19 ngày với tổng số tiền là 3.800.000 đồng, trong đó tiền gốc 3.040.000 đồng, tiền lãi 760.000 đồng, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 41.644 đồng. Nguyễn Hữu Đ thu lợi bất chính số tiền là (760.000 đồng + 400.000 đồng) – 41.644 đồng = **1.118.356** đồng. Như vậy, bà B còn nợ lại số tiền gốc là 960.000 đồng.

*** Dây 2:**

Khoảng giữa tháng 03/2021, vay số tiền 2.000.000 đồng trong thời gian 25 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 80.000 đồng, tiền lãi là 20.000 đồng (lãi suất tương ứng là 365%/năm), nộp phí vay 200.000 đồng. Bà B đã đóng được 19 ngày với tổng số tiền là 1.900.000 đồng, trong đó tiền gốc 1.520.000 đồng, tiền lãi 380.000 đồng, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 20.822 đồng. Nguyễn Hữu Đ thu lợi bất chính số tiền là (380.000 đồng + 200.000 đồng) – 20.822 đồng = **559.178** đồng. Bà B còn nợ lại số tiền gốc là 480.000 đồng.

Người vay thứ 15: Bà Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm: 1978, trú tại: Số x, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vay 02 lần, cụ thể:

- Lần thứ 1: Khoảng giữa tháng 03/2021, vay số tiền 4.000.000 đồng trong thời gian 25 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 160.000 đồng, tiền lãi là

40.000 đồng (lãi suất tương ứng là 365%/năm), nộp phí vay 400.000 đồng. Khi cho vay tiền, Đ giữ của bà T: 01 (Một) sổ hộ khẩu số 160110XXX mang tên chủ hộ Vũ Thị Đ, tổ dân phố X, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (bản photo) và 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Huỳnh Thị Thanh T, số 240642XXX (bản photo). Bà T đã đóng đủ 25 ngày với tổng số tiền là 5.000.000 đồng, trong đó tiền gốc 4.000.000 đồng, tiền lãi 1.000.000 đồng, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 54.794 đồng. Nguyễn Hữu Đ thu lợi bất chính số tiền là $(1.000.000 \text{ đồng} + 400.000 \text{ đồng}) - 54.794 \text{ đồng} = \mathbf{1.345.206 \text{ đồng}}$.

- Lần thứ 2: Vào khoảng cuối tháng 03/2021, vay số tiền 4.000.000 đồng trong thời gian 25 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 160.000 đồng, tiền lãi là 40.000 đồng (lãi suất tương ứng là 365%/năm), nộp phí vay 400.000 đồng. Bà T đã đóng được 11 ngày với tổng số tiền là 2.200.000 đồng, trong đó tiền gốc 1.760.000 đồng, tiền lãi 440.000 đồng, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 24.109 đồng. Nguyễn Hữu Đ thu lợi bất chính số tiền là $(440.000 \text{ đồng} + 400.000 \text{ đồng}) - 24.109 \text{ đồng} = \mathbf{815.891 \text{ đồng}}$. Như vậy, bà T còn nợ lại số tiền gốc là 2.240.000 đồng.

Người vay thứ 16: Bà Trương Thị Đan T, sinh năm: 1979, trú tại: Số x, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vay 02 lần, cụ thể:

- Lần thứ 1: Ngày 21/3/2021, vay số tiền 3.000.000 đồng trong thời gian 25 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 120.000 đồng, tiền lãi là 30.000 đồng (lãi suất tương ứng là 365%/năm), nộp phí vay 300.000 đồng. Đến ngày 04/4/2021, bà T đáo khoản vay này và đã đóng đủ 25 ngày với tổng số tiền là 3.750.000 đồng, trong đó tiền gốc 3.000.000 đồng, tiền lãi 750.000 đồng, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 41.096 đồng. Nguyễn Hữu Đ thu lợi bất chính số tiền là $(750.000 \text{ đồng} + 300.000 \text{ đồng}) - 41.096 \text{ đồng} = \mathbf{1.008.904 \text{ đồng}}$.

- Lần thứ 2: Ngày 04/4/2021, vay số tiền 3.000.000 đồng trong thời gian 25 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 120.000 đồng, tiền lãi là 30.000 đồng (lãi suất tương ứng là 365%/năm), nộp phí vay 300.000 đồng. Bà T đã đóng được 05 ngày với tổng số tiền là 750.000 đồng, trong đó tiền gốc 600.000 đồng, tiền lãi 150.000 đồng, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 8.219 đồng. Nguyễn Hữu Đ thu lợi bất chính số tiền là $(150.000 \text{ đồng} + 300.000 \text{ đồng}) - 8.219 \text{ đồng} = \mathbf{441.781 \text{ đồng}}$. Như vậy, bà T còn nợ lại số tiền gốc là 2.400.000 đồng.

Người vay thứ 17: Bà Lê Thị X, sinh năm: 1984, trú tại: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vay 01 lần, cụ thể:

Khoảng đầu tháng 3/2021, vay số tiền 4.000.000 đồng trong thời gian 21 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 223.750 đồng, tiền lãi là 26.250 đồng (lãi suất tương ứng là 451,9%/năm), nộp phí vay là 500.000 đồng. Khi cho vay tiền, Đ giữ của bà X: 01 (Một) giấy chứng minh nhân dân số 240731XXX mang tên Lê Thị X trú tại thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (bản photocopy). Bà X đã đóng đủ 06 ngày với tổng số tiền là 1.500.000 đồng, trong đó tiền gốc 1.343.000 đồng, tiền lãi 157.000 đồng, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 13.151 đồng. Nguyễn Hữu Đ thu lợi bất chính số tiền là (157.000 đồng + 500.000 đồng) – 13.151 đồng = **643.849** đồng. Như vậy, bà X còn nợ lại số tiền gốc là 2.657.000 đồng.

Người vay thứ 18: Ông Nguyễn Duy T, sinh năm: 1988, trú tại: Số X đường Đ, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, vay 01 lần, cụ thể:

Khoảng đầu tháng 4/2021, vay số tiền 5.000.000 đồng trong thời hạn vay là 25 ngày, 01 ngày đóng tiền gốc là 200.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng (lãi suất tương ứng là 365%/năm), nộp phí vay 800.000 đồng. Ông T đã đóng đủ 25 ngày với tổng số tiền là 6.250.000 đồng, trong đó tiền gốc 5.000.000 đồng, tiền lãi 1.250.000 đồng, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 68.493 đồng. Nguyễn Hữu Đ thu lợi bất chính số tiền là (1.250.000 đồng + 800.000 đồng) - 68.493 đồng = **1.981.507** đồng.

Cáo trạng số 02/CT-VKS TP.BMT ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk truy tố các bị cáo Phạm Hữu M và Nguyễn Hữu Đ về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Hữu M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng, đồng thời phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi nguy hiểm của các bị cáo Phạm Hữu M, Nguyễn Hữu Đ và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Hữu M, Nguyễn Hữu Đ phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

Về hình phạt:

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 201; Điều 36; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt bị cáo Phạm Hữu M từ 15 tháng đến 18 tháng Cải tạo không giam giữ.

Phạt bổ sung: Phạt bị cáo Phạm Hữu M số tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Đ từ 12 tháng đến 15 tháng Cải tạo không giam giữ.

Phạt bổ sung: Phạt bị cáo Nguyễn Hữu Đ số tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk trả lại cho chị Lê Thị Quỳnh M là chủ sở hữu hợp pháp 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Blade, màu sơn đỏ, biển kiểm soát 47F1 - 266.XX, số khung: RLHJA 3612EY019XXX, số máy: JA36E – 0062XXX.

Trả lại cho bà Bùi Thị T 01 (Một) bản gốc sổ hộ khẩu số 1601755XXX mang tên chủ hộ Bùi Thị T, địa chỉ: Phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Trả lại cho bà Lê Thị S 01 (Một) bản gốc sổ hộ khẩu số 160585XXX mang tên chủ hộ Lê Thị S, địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Trả lại cho bà Lê Thị Ánh H 01 (Một) bản gốc sổ hộ khẩu số T-13XX mang tên chủ hộ Lê Thị Ánh H và 01 (Một) bản gốc giấy vay tiền của Lê Thị Ánh H; Trả lại cho ông Hoàng Lê H 01 (Một) bản gốc giấy chứng minh nhân dân số 240768XXX mang tên Hoàng Lê H; Trả lại cho ông Trần Văn T 01 (Một) sổ hộ khẩu số 090036XXX mang tên chủ hộ Trần Văn T, địa chỉ: Tổ X, khu vực Y, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định; Trả lại cho anh Lê Duy T 01 (Một) bản chứng thực sổ hộ khẩu số 160199XXX mang tên Lê Duy T, địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Trả lại cho bà Lương Thị T 01 (Một) bản gốc giấy phép lái xe số 661055001XXX mang tên Lương Thị T, trú tại xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Trả lại cho bà Lê Thị X 01 (Một) bản photocopy giấy chứng minh nhân dân số 240731XXX mang tên Lê Thị X trú tại thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Trả lại cho ông Nguyễn Quốc H 01 (Một) bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 0897XX mang tên Nguyễn Quốc H, biển số 47 H1 – 190.XX; Trả lại cho bà Phạm Thị V 01 (Một) bản gốc giấy phép lái xe mô tô số 661137901XXX mang tên Phạm Thị V; Trả lại cho bà Bùi Thị Khánh T 01 (Một) bản gốc giấy chứng minh nhân dân số 2400674XXX mang tên Bùi Thị Khánh T, trú tại thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hữu Đ: 01 (Một) bản gốc thẻ Căn cước công dân số 038098003474 mang tên Nguyễn Hữu Đ.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu VSMART, số Imei: 351726119757842; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu ITEL, màu xanh đen, số Imei 1: 355020114368748; Imei 2: 35502014368755 và số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) của bị cáo Nguyễn Hữu Đ.

Buộc bị cáo Nguyễn Hữu Đ trả lại cho những người vay tiền số tiền cụ thể như sau: Trả cho bà Nguyễn Thị G số tiền 4.749.898 đồng; trả cho anh Đặng Phước B số tiền 1.417.809 đồng; trả cho bà Bùi Thị Bích H số tiền 1.091.643 đồng; trả cho Vũ Thị Thúy U số tiền 1.093.973 đồng; trả cho bà Lê Thị S số tiền 1.876.713; trả cho bà Lê Thị H số tiền 1.965.069 đồng; trả cho bà Lương Thị T số tiền 3.693.836 đồng; trả cho bà Nguyễn Võ Thị T số tiền 6.416.480 đồng; trả cho chị Phan Thị L số tiền 1.836.713 đồng; trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền là 675.342; trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 1.658.631 đồng; trả cho bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 2.079.507 đồng; trả cho bà Lê Thị Ánh H số tiền 3.626.713 đồng; trả cho chị Trịnh Ngọc B số tiền 3.022.740 đồng; trả cho bà Huỳnh Thị Thanh T số tiền 2.161.097 đồng; trả cho chị Trương Thị Đan T số tiền 1.450.685 đồng; Trả cho anh Lê Thị X số tiền 643.849 đồng; trả cho anh Nguyễn Duy T số tiền 1.981.507 đồng.

Truy thu của bị cáo Nguyễn Hữu Đ số tiền 1.527.117 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Truy thu của bị cáo Phạm Hữu M số tiền 116.130.679 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Truy thu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sung ngân sách nhà nước. Cụ thể: Truy thu bà Nguyễn Thị G số tiền 5.714.281 đồng; truy thu anh Đặng Phước B số tiền 24.000.000 đồng; truy thu bà Bùi Thị Bích H số tiền 2.619.040 đồng; truy thu chị Vũ Thị Thúy U số tiền 2.640.000 đồng; truy thu bà Lê Thị S số tiền 2.500.000 đồng; truy thu bà Lê Thị H số tiền 3.800.000 đồng; truy thu bà Lương Thị T số tiền 8.600.000 đồng; truy thu bà Nguyễn Võ Thị T số tiền 4.571.000 đồng; truy thu bà Phan Thị L số tiền 1.920.000 đồng; truy thu bà Nguyễn Thị L số tiền là 3.200.000 đồng; truy thu bà Nguyễn Thị H số tiền 3.520.000; truy thu bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 4.048.000 đồng; truy thu bà Lê Thị Ánh H số tiền 6.000.000 đồng; truy thu bà Trịnh Ngọc B số tiền 1.440.000 đồng; truy thu bà Huỳnh Thị Thanh T số tiền 2.240.000 đồng; truy thu chị Trương Thị Đan T số tiền 2.400.000 đồng; truy thu chị Lê Thị X số tiền 2.657.000 đồng.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Hữu M trình bày lời bào chữa:

Đồng ý với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên về mức hình phạt chính và phạt bổ sung đối với

bị cáo Phạm Hữu M là cao. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt chính và hình phạt bổ sung cho bị cáo Phạm Hữu M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đối đáp:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk giữ nguyên đề nghị mức hình phạt chính và phạt bổ sung đối với bị cáo Phạm Hữu M.

Bị cáo Phạm Hữu M đồng ý với quan điểm bào chữa của người bào chữa, ngoài ra không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì thêm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hữu Đ vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị G; ông Đặng Phước B; bà Bùi Thị Bích H; bà Vũ Thị Thúy U; bà Lê Thị S; bà Lê Thị H; bà Lương Thị T; bà Nguyễn Võ Thị Mỹ T; bà Nguyễn Thị L; bà Nguyễn Thị H; bà Nguyễn Thị Kim T; bà Lê Thị Ánh H; bà Trịnh Ngọc B; bà Huỳnh Thị Thanh T; bà Trương Thị Đan T; bà Lê Thị X; ông Nguyễn Duy T; anh Lê Văn T; chị Tiêu Thị H; chị Lê Thị Quỳnh M; bà Đào Thiên H; ông Lê Duy T; bà Bùi Thị Khánh T; bà Bùi Thị T; ông Hoàng Lê H; ông Trần Văn T vắng mặt. Xét thấy quá trình điều tra đều đã có lời khai, nội dung vụ án đã được làm rõ nên việc xét xử vắng mặt những người này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo Nguyễn Hữu Đ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 290, Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự là phù hợp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do ý thức coi thường pháp luật, động cơ tư lợi cá nhân nên trong khoảng thời gian từ tháng 02/2021 đến tháng 4/2021, tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk, Phạm Hữu M và Nguyễn Hữu Đ đã có hành vi cho 18 người

vay tiền, tương ứng 35 lượt vay, tổng số tiền gốc cho vay là 198.000.000 đồng, với mức lãi suất cho vay từ 365%/năm đến 451,9%/năm, cao gấp từ 18,25 lần đến 22,59 lần so với mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự quy định. Thu lợi bất chính số tiền 41.442.204 đồng (*Bốn mươi một triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm lẻ bốn đồng*).

Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc cho vay lãi nặng bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng do ý thức coi thường pháp luật, muốn có tiền một cách nhanh chóng nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng, hành vi đó làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, nhất là trong thời gian gần đây khi các tội phạm về hoạt động cho vay lãi nặng diễn biến hết sức phức tạp gây bất bình trong xã hội và ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Cụ thể các bị cáo đã cho những người dân vay với lãi suất vượt quá từ gấp 5 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự.

Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định:

“1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay....”.

Hành vi của các bị cáo Phạm Hữu M, Nguyễn Hữu Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Điều 201 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm”.

[3] Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk truy tố các bị cáo Phạm Hữu M và Nguyễn Hữu Đ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: tại Cơ quan Cảnh sát điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm i, s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt, thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

Bị cáo Phạm Hữu M là người khởi xướng, trực tiếp bỏ ra số tiền gốc 198.000.000 đồng để cho vay, thuê bị cáo Nguyễn Hữu Đ, tạo điều kiện về cơ sở vật chất như chỗ ở, phương tiện đi lại để thực hiện việc cho nhiều người dân vay tiền với lãi nặng trái quy định nhằm mục đích thu lợi bất chính. Bị cáo Nguyễn Hữu Đ được bị cáo M thuê để giúp tìm kiếm người cho vay, thu tiền vay và báo khoản vay cho M, thu lợi bất chính số tiền 41.442.204 đồng. Xét mức độ hành vi của bị cáo Phạm Hữu M nghiêm trọng hơn bị cáo Nguyễn Hữu Đ. Do đó mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo M cao hơn bị cáo Đ là phù hợp.

[5] Đối với Lê Văn T, sinh năm: 2001, trú tại: Thôn U, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hoá, được Phạm Hữu M thuê để cùng hoạt động cho vay lãi nặng. Tuy nhiên, T chưa tham gia cùng bị cáo M và Đ cho vay lãi nặng thì bị Cơ quan Công an phát hiện nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý Lê Văn T là phù hợp.

Đối với bà Đào Thiên H là người cho Phạm Hữu M và Nguyễn Hữu Đ thuê phòng trọ số C4 tại địa chỉ: Số X đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Bà Đào Thiên H không biết M và Đ sử dụng phòng trọ làm địa điểm hoạt động cho vay lãi nặng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với người tên T và tên T1, đều trú tại phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; người tên N1, trú tại đường V, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; người tên T2, trú tại đường Nguyễn Phúc C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; người tên D1, trú tại đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, là những người bị cáo Nguyễn Hữu Đ khai nhận cho những người này vay tiền. Tuy nhiên, qua xác minh tại địa phương chưa xác định được nhân thân, lai lịch cũng như chưa làm việc được với những người này. Nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột tách những người này ra khỏi vụ án để tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau là phù hợp.

[6] Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với: 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Blade, màu sơn đỏ, biển kiểm soát 47F1 - 266.XX, số khung: RLHJA 3612EY0196XX, số máy:

JA36E – 00627XX tạm giữ của bị cáo Nguyễn Hữu Đ. Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là tài sản hợp pháp của chị Lê Thị Quỳnh M, sinh năm 1996, trú tại số X đường V, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Chị Lê Thị Quỳnh M cho bị cáo Phạm Hữu M mượn và không biết việc bị cáo M sử dụng chiếc xe trên để thực hiện hành vi phạm tội. Ngày 14/11/2021, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 1853, trả lại chiếc xe trên cho chị Lê Thị Quỳnh M nhận quản lý và sử dụng là phù hợp.

Đối với: 01 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu VSMART, số Imei: 351726119757XXX; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu IteL, màu xanh đen, số Imei 1: 355020114368XXX; Imei 2: 35502014368XXX của bị cáo Nguyễn Hữu Đ, là phương tiện bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước là phù hợp.

Đối với: số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) là tiền bị cáo Nguyễn Hữu Đ thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước là phù hợp.

Đối với các giấy tờ, tài liệu các bị cáo giữ của những người đi vay cần trả lại cho các chủ sở hữu nhận quản lý, sử dụng là phù hợp. Cụ thể: Trả lại cho bà Bùi Thị T 01 (Một) bản gốc sổ hộ khẩu số 16017556XX mang tên chủ hộ Bùi Thị T, địa chỉ: Phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Trả lại cho bà Lê Thị S 01 (Một) bản gốc sổ hộ khẩu số 160585XXX mang tên chủ hộ Lê Thị S, địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Trả lại cho bà Lê Thị Ánh H 01 (Một) bản gốc sổ hộ khẩu số T-13XX mang tên chủ hộ Lê Thị Ánh H và 01 (Một) bản gốc giấy vay tiền của Lê Thị Ánh H; Trả lại cho ông Hoàng Lê H 01 (Một) bản gốc giấy chứng minh nhân dân số 240768XXX mang tên Hoàng Lê H; Trả lại cho ông Trần Văn T 01 (Một) sổ hộ khẩu số 090036XXX mang tên chủ hộ Trần Văn T, địa chỉ: Tổ X, khu vực Y, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định; Trả lại cho anh Lê Duy T 01 (Một) bản chứng thực sổ hộ khẩu số 160199XXX mang tên Lê Duy T, địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Trả lại cho bà Lương Thị T 01 (Một) bản gốc giấy phép lái xe số 661055001XXX mang tên Lương Thị T, trú tại xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Trả lại cho bà Lê Thị X 01 (Một) bản photocopy giấy chứng minh nhân dân số 240731XXX mang tên Lê Thị X trú tại thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Trả lại cho ông Nguyễn Quốc H 01 (Một) bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 0897XX mang tên Nguyễn Quốc H, biển số 47 H1 – 190.XX; Trả lại cho bà Phạm Thị V 01 (Một) bản gốc giấy phép lái xe mô tô số 661137901XXX mang tên Phan Thị V; Trả lại cho bà Bùi Thị Khánh T 01 (Một) bản gốc giấy chứng minh nhân dân số 2400674XXX mang tên Bùi Thị Khánh T, trú tại thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Đối với: 01 (Một) bản gốc Căn cước công dân số 038098003XXX mang tên Nguyễn Hữu Đ không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo Nguyễn Hữu Đ nhận quản lý, sử dụng là phù hợp.

Đối với số tiền 41.442.204 đồng là tiền lãi, phí các bị cáo thu lợi bất chính từ hành vi cho vay lãi nặng, bị cáo Nguyễn Hữu Đ đã tiêu xài cá nhân hết nên cần buộc bị cáo Nguyễn Hữu Đ trả lại cho những người vay tiền. Cụ thể như sau: Trả cho bà Nguyễn Thị G số tiền 4.749.898 đồng; trả cho anh Đặng Phước B số tiền 1.417.809 đồng; trả cho bà Bùi Thị Bích H số tiền 1.091.643 đồng; trả cho Vũ Thị Thúy U số tiền 1.093.973 đồng; trả cho bà Lê Thị S số tiền 1.876.713 đồng; trả cho bà Lê Thị H số tiền 1.965.069 đồng; trả cho bà Lương Thị T số tiền 3.693.836 đồng; trả cho bà Nguyễn Võ Thị T số tiền 6.416.480 đồng; trả cho chị Phan Thị L số tiền 1.836.713 đồng; trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền là 675.342 đồng; trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 1.658.631 đồng; trả cho bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 2.079.507 đồng; trả cho bà Lê Thị Ánh H số tiền 3.626.713 đồng; trả cho bà Trịnh Ngọc B số tiền 3.022.740 đồng; trả cho bà Huỳnh Thị Thanh T số tiền 2.161.097 đồng; trả cho chị Trương Thị Đan T số tiền 1.450.685 đồng; Trả cho bà Lê Thị X số tiền 643.849 đồng; trả cho anh Nguyễn Duy T số tiền 1.981.507 đồng.

Đối với: số tiền 1.527.117 đồng là tiền lãi suất theo quy định của pháp luật (lãi suất 20%) mà bị cáo Nguyễn Hữu Đ đã thu của những người vay tiền nên cần truy thu của bị cáo Nguyễn Hữu Đ sung vào ngân sách nhà nước là phù hợp.

Đối với: số tiền gốc 116.130.679 đồng là tiền bị cáo Phạm Hữu M sử dụng để cho những người vay đi vay nên cần truy thu của bị cáo Phạm Hữu M sung vào ngân sách nhà nước là phù hợp.

Đối với số tiền 81.869.321 đồng là số tiền gốc những người vay tiền chưa trả cho các bị cáo nên cần truy thu của những người vay sung ngân sách nhà nước. Cụ thể: Truy thu bà Nguyễn Thị G số tiền 5.714.281 đồng; truy thu anh Đặng Phước B số tiền 24.000.000 đồng; truy thu bà Bùi Thị Bích H số tiền 2.619.040 đồng; truy thu bà Vũ Thị Thúy U số tiền 2.640.000 đồng; truy thu bà Lê Thị S số tiền 2.500.000 đồng; truy thu bà Lê Thị H số tiền 3.800.000 đồng; truy thu bà Lương Thị T số tiền 8.600.000 đồng; truy thu bà Nguyễn Võ Thị T số tiền 4.571.000 đồng; truy thu bà Phan Thị L số tiền 1.920.000 đồng; truy thu bà Nguyễn Thị L số tiền là 3.200.000 đồng; truy thu bà Nguyễn Thị H số tiền 3.520.000 đồng; truy thu bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 4.048.000 đồng; truy thu bà Lê Thị Ánh H số tiền 6.000.000 đồng; truy thu bà Trịnh Ngọc B số tiền 1.440.000 đồng; truy thu bà Huỳnh Thị Thanh T số tiền 2.240.000 đồng; truy thu bà Trương Thị Đan T số tiền 2.400.000 đồng; truy thu bà Lê Thị X số tiền 2.657.000 đồng.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố các bị cáo Phạm Hữu M, Nguyễn Hữu Đ phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”;

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 201; Điều 36; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Phạm Hữu M **15 (Mười lăm) tháng Cải tạo không giam giữ.**

Thời điểm tính chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Phạm Hữu M tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo Phạm Hữu M.

Giao bị cáo Phạm Hữu M cho Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa là nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Phạt bổ sung: Phạt bị cáo Phạm Hữu M 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 201; Điều 36; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu Đ **12 (Mười hai) tháng Cải tạo không giam giữ**, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 17/4/2021 đến ngày 26/4/2021, 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo Nguyễn Hữu Đ còn phải chấp hành 11 (Mười một) tháng 03 (Ba) ngày Cải tạo không giam giữ.

Thời điểm tính chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Nguyễn Hữu Đ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo Nguyễn Hữu Đ.

Giao bị cáo Nguyễn Hữu Đ cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa là nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Phạt bổ sung: Phạt bị cáo Nguyễn Hữu Đ 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) sung vào ngân sách nhà nước.

Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk trả lại cho chị Lê Thị Quỳnh M là chủ sở hữu hợp pháp 01 (*Một*) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Blade, màu sơn đỏ, biển kiểm soát 47F1 - 266.XX, số khung: RLHJA 3612EY019XXX, số máy: JA36E - 0062XXX.

Trả lại cho bà Bùi Thị T 01 (*Một*) bản gốc sổ hộ khẩu số 1601755XXX mang tên chủ hộ Bùi Thị T, địa chỉ: Phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Trả lại cho bà Lê Thị S 01 (*Một*) bản gốc sổ hộ khẩu số 160585XXX mang tên chủ hộ Lê Thị S, địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Trả lại cho bà Lê Thị Ánh H 01 (*Một*) bản gốc sổ hộ khẩu số T-13XX mang tên chủ hộ Lê Thị Ánh H và 01 (*Một*) bản gốc giấy vay tiền của Lê Thị Ánh H; Trả lại cho ông Hoàng Lê H 01 (*Một*) bản gốc giấy chứng minh nhân dân số 240768XXX mang tên Hoàng Lê H; Trả lại cho ông Trần Văn T 01 (*Một*) sổ hộ khẩu số 090036XXX mang tên chủ hộ Trần Văn T, địa chỉ: Tổ X, khu vực Y, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định; Trả lại cho anh Lê Duy T 01 (*Một*) bản chứng thực sổ hộ khẩu số 160199XXX mang tên Lê Duy T, địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Trả lại cho bà Lương Thị T 01 (*Một*) bản gốc giấy phép lái xe số 661055001XXX mang tên Lương Thị T, trú tại xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Trả lại cho bà Lê Thị X 01 (*Một*) bản photocopy giấy chứng minh nhân dân số 240731XXX mang tên Lê Thị X, trú tại thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Trả lại cho ông Nguyễn Quốc H 01 (*Một*) bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 0897XX mang tên Nguyễn Quốc H, biển số 47 H1 - 190.XX; Trả lại cho bà Phạm Thị V 01 (*Một*) bản gốc giấy phép lái xe mô tô số 661137901XXX mang tên Phạm Thị V; Trả lại cho bà Bùi Thị Khánh T 01 (*Một*) bản gốc giấy chứng minh nhân dân số 2400674XXX mang tên Bùi Thị Khánh T, trú tại thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hữu Đ: 01 (*Một*) bản gốc Căn cước công dân số 038098003XXX mang tên Nguyễn Hữu Đ.

Tịch thu vào sung ngân sách nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu VSMART, số Imei: 351726119757XXX; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Itel, màu xanh đen, số Imei 1: 355020114368XXX; Imei 2: 35502014368XXX và số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) của bị cáo Nguyễn Hữu Đ.

(Vật chứng nêu trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 15/12/2021 giữa Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk với Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk).

Buộc bị cáo Nguyễn Hữu Đ trả lại cho những người vay tiền số tiền cụ thể như sau: Trả cho bà Nguyễn Thị G số tiền 4.749.898 đồng (Bốn triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm chín mươi tám đồng); trả cho anh Đặng Phước B số tiền 1.417.809 đồng (Một triệu bốn trăm mười bảy nghìn tám trăm lẻ chín đồng); trả cho bà Bùi Thị Bích H số tiền 1.091.643 đồng (Một triệu không trăm chín mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi ba đồng); trả cho Vũ Thị Thúy U số tiền 1.093.973 đồng (Một triệu không trăm chín mươi ba nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng); trả cho bà Lê Thị S số tiền 1.876.713 đồng (Một triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm mười ba đồng); trả cho bà Lê Thị H số tiền 1.965.069 đồng (Một triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn không trăm sáu mươi chín đồng); trả cho bà Lương Thị T số tiền 3.693.836 đồng (Ba triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng); trả cho bà Nguyễn Võ Thị T số tiền 6.416.480 đồng (Sáu triệu bốn trăm mười sáu nghìn bốn trăm tám mươi đồng); trả cho chị Phan Thị L số tiền 1.836.713 đồng (Một triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn bảy trăm mười ba đồng); trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền là 675.342 đồng (Sáu trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng); trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 1.658.631 đồng (Một triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi một đồng); trả cho bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 2.079.507 đồng (Hai triệu không trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm lẻ bảy đồng); trả cho bà Lê Thị Ánh H số tiền 3.626.713 đồng (Ba triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm mười ba đồng); trả cho chị Trịnh Ngọc B số tiền 3.022.740 đồng (Ba triệu không trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm bốn mươi đồng); trả cho bà Huỳnh Thị Thanh T số tiền 2.161.097 đồng (Hai triệu một trăm sáu mươi một nghìn không trăm chín mươi bảy đồng); trả cho chị Trương Thị Đan T số tiền 1.450.685 đồng (Một triệu bốn trăm năm mươi nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng); Trả cho bà Lê Thị X số tiền 643.849 đồng (Sáu trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng); trả cho anh Nguyễn Duy T số tiền 1.981.507 đồng (Một triệu chín trăm tám mươi một nghìn năm trăm lẻ bảy đồng).

Truy thu của bị cáo Nguyễn Hữu Đ số tiền 1.527.117 đồng (Một triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn một trăm mười bảy đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

Truy thu của bị cáo Phạm Hữu M số tiền 116.130.679 đồng (*Một trăm mười sáu triệu một trăm ba mươi nghìn sáu trăm bảy mươi chín đồng*) sung vào ngân sách nhà nước.

Truy thu những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sung vào ngân sách nhà nước. Cụ thể: Truy thu bà Nguyễn Thị G số tiền 5.714.281 đồng (*Năm triệu bảy trăm mười bốn nghìn hai trăm tám mươi một đồng*); truy thu anh Đặng Phước B số tiền 24.000.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu đồng*); truy thu bà Bùi Thị Bích H số tiền 2.619.040 đồng (*Hai triệu sáu trăm mười chín nghìn không trăm bốn mươi đồng*); truy thu chị Vũ Thị Thúy U số tiền 2.640.000 đồng (*Hai triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*); truy thu bà Lê Thị S số tiền 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*); truy thu bà Lê Thị H số tiền 3.800.000 đồng (*Ba triệu tám trăm nghìn đồng*); truy thu bà Lương Thị T số tiền 8.600.000 đồng (*Tám triệu sáu trăm nghìn đồng*); truy thu bà Nguyễn Võ Thị T số tiền 4.571.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm bảy mươi một nghìn đồng*); truy thu chị Phan Thị L số tiền 1.920.000 đồng (*Một triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng*); truy thu bà Nguyễn Thị L số tiền là 3.200.000 đồng (*Ba triệu hai trăm nghìn đồng*); truy thu bà Nguyễn Thị H số tiền 3.520.000 đồng (*Ba triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng*); truy thu bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 4.048.000 đồng (*Bốn triệu không trăm bốn mươi tám nghìn đồng*); truy thu bà Lê Thị Ánh H số tiền 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*); truy thu chị Trịnh Ngọc B số tiền 1.440.000 đồng (*Một triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*); truy thu bà Huỳnh Thị Thanh T số tiền 2.240.000 đồng (*Hai triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng*); truy thu chị Trương Thị Đan T số tiền 2.400.000 đồng (*Hai triệu bốn trăm nghìn đồng*); truy thu chị Lê Thị X số tiền 2.657.000 đồng (*Hai triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn đồng*).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Phạm Hữu M và Nguyễn Hữu Đ, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 – TAND TC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Thi hành án phạt tù (để thi hành);
- Chi cục THADS Tp. B;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- UBND thị trấn T,
huyện Q, tỉnh Thanh Hóa;
- UBND phường T, thành phố S, tỉnh
Thanh Hóa;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kiều My